|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO**  Số:124-7/KH-THPT THĐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2021* |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN ĐỊA LÝ**

**Năm học 2021 - 2022**

**I. Đặc điểm tình hình**

***1. Số lớp – học sinh***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối | Tổng số học sinh | Học sinh nữ | Học sinh Dân tộc | Số lớp | Số học sinh/lớp |
| 10 | 845 | 519 | 12 | 19 | 44,5 |
| 11 | 861 | 453 | 14 | 19 | 45,3 |
| 12 | 860 | 449 | 12 | 20 | 43 |
| Tổng toàn trường | 2566 | 1419 | 40 | 58 | 44,2 |

***2. Tình hình đội ngũ***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Trình độ chuyên môn | Xếp loại Chuẩn nghề nghiệp GV | Nhiệm vụ trong năm học 2021-2022 |
| 1 | Dương Thị Ngọc Sương | Đại học  (Thạc sĩ QLGD) | Tốt | - Tổ trưởng chuyên môn: Quản lý hoạt động chuyên môn tổ  - Uỷ viên BCH Công đoàn cơ sở  - GVCN 12A20  - Nhóm trưởng khối 12  - Giảng dạy khối 10,12  - Bồi dưỡng học sinh giỏi 12 |
| 2 | Vũ Thị Thu Hằng | Đại học | Tốt | - Tổ trưởng Công Đoàn  - GVCN 10A9  - Nhóm trưởng khối 10  - Giảng dạy khối 10,12  - Bồi dưỡng Olympic 10 |
| 3 | Vũ Thị Khuyên | Thạc sĩ | Tốt | - GVCN 11A8  - Nhóm trưởng khối 11  - Giảng dạy khối 11,12.  - Bồi dưỡng Olympic 11 |
| 4 | Nguyễn Thị Huyền | Đại học | Tốt | Giảng dạy khối 10,11 |
| 5 | Hoàng Thị Hảo | Đại học | Tốt | - GVCN 10A11  - Giảng dạy khối 10,12 |
| 6 | Trương Thị Nụ | Đại học | Tốt | - GVCN 11A16  - Giảng dạy khối 11,12 |

***3. Thiết bị dạy học:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Atlat | 1 cuốn/học sinh khối 12 |  |  |
| 2 | Tập bản đồ 12 | 50 cuốn |  |  |
| 3 | Tập bản đồ 11 | 50 cuốn |  |  |
| 4 | Tập bản đồ 10 | 50 cuốn |  |  |

***4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập*:** Không có

**II. Kế hoạch dạy học**

***1. Phân phối chương trình***

***2. Chuyên đề lựa chọn***

*(Đính kèm Khung kế hoạch dạy học bộ môn)*

***3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **KHỐI 10** | | | | |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | **Nhận biết:**  - Nhận biết một số phương pháp phổ biến để biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ và Atlat.  **Thông hiểu:**  - Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ.  - Trình bày được phương pháp sử dụng bản đồ, Atlat địa lí để tìm hiểu đặc điểm của các đối tượng, hiện tượng và phân tích các mối quan hệ địa lí.  **Nhận biết:**  - Trình bày khái quát về Vũ trụ, Hệ Mặt Trời, Trái Đất trong Hệ Mặt Trời  **Thông hiểu:**  - Trình bày được các hệ quả chủ yếu của chuyển động Trái Đất.  Vận dụng cao:  - Giải thích được các hệ quả chủ yếu của chuyển động tự quay quanh trục và chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất.  **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm thạch quyển.  - Biết được nội dung cơ bản của thuyết Kiến tạo mảng.  - Trình bày được khái niệm về nội lực, ngoại lực.  - Trình bày được tác động của nội lực, ngoại lực.  - Biết một số thiên tai do tác động của nội lực, ngoại lực gây ra.  **Thông hiểu:**  - Nêu được sự khác nhau giữa các lớp cấu trúc của Trái Đất (lớp vỏ, lớp Manti, nhân Trái Đất) về tỉ lệ thể tích, độ dày, thành phần vật chất cấu tạo chủ yếu, trạng thái  - Nêu được sự khác nhau giữa các lớp cấu trúc của Trái Đất (HS tự học).  - Phân biệt được thạch quyển và vỏ Trái Đất.  **Vận dụng:**  - Vận dụng thuyết Kiến tạo mảng để giải thích sơ lược sự hình thành các vùng núi trẻ; các vành đai động đất, núi lửa.  **Nhận biết:**  - Nêu khái niệm khí quyển.  - Nêu khái niệm frông và các frông.  - Trình bày được sự hình thành và phân bố của các đới, các kiểu khí hậu chính trên Trái Đất.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được nguyên nhân hình thành một số loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất, gió mùa và một số loại gió địa phương.  - Hiểu được nguyên nhân hình thành và tính chất của các khối khí.  - Hiểu được sự di chuyển của các khối khí.  - Trình bày được nguyên nhân hình thành nhiệt độ không khí và các nhân tố ảnh hưởng đến nhiệt độ không khí.  - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa và sự phân bố mưa trên thế giới.  **Vận dụng:**  - Trình bày được ảnh hưởng của các khối khí, frông đến thời tiết, khí hậu.  - Phân tích được mối quan hệ giữa khí áp và gió; nguyên nhân làm thay đổi khí áp.  **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm thuỷ quyển.  - Trình bày được đặc điểm và sự phân bố của một số sông lớn trên thế giới.  - Mô tả được hiện tượng sóng biển, thuỷ triều; phân bố và chuyển động của các dòng biển nóng và lạnh trong đại dương thế giới.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và trình bày được vòng tuần hoàn nước trên Trái Đất.  - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước của sông.  **Vận dụng:**  - Phân tích được vai trò của biển và đại dương trong đời sống.  **Vận dụng cao:**  - Giải thích được nguyên nhân sinh ra hiện tượng sóng biển, thuỷ triều; phân bố và chuyển động của các dòng biển nóng và lạnh trong đại dương thế giới.  - Sử dụng được bản đồ, Atlat để trình bày, giải thích các hiện tượng tự nhiên.  - Vẽ biểu đồ, nhận xét biểu đồ, phân tích số liệu thống kê về địa lí tự nhiên. | Trắc nghiệm |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 16 | **Nhận biết:**  - Nhận biết một số phương pháp phổ biến để biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ và Atlat.  **Thông hiểu:**  - Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ.  - Trình bày được phương pháp sử dụng bản đồ, Atlat địa lí để tìm hiểu đặc điểm của các đối tượng, hiện tượng và phân tích các mối quan hệ địa lí.  **Nhận biết:**  - Trình bày khái quát về Vũ trụ, Hệ Mặt Trời, Trái Đất trong Hệ Mặt Trời.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được các hệ quả chủ yếu của chuyển động Trái Đất.  **Vận dụng cao:**  - Giải thích được các hệ quả chủ yếu của chuyển động tự quay quanh trục và chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất.  **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm thạch quyển.  - Biết được nội dung cơ bản của thuyết Kiến tạo mảng.  - Trình bày được khái niệm về nội lực, ngoại lực.  - Trình bày được tác động của nội lực, ngoại lực.  - Biết một số thiên tai do tác động của nội lực, ngoại lực gây ra.  **Thông hiểu:**  - Nêu được sự khác nhau giữa các lớp cấu trúc của Trái Đất (lớp vỏ, lớp Manti, nhân Trái Đất) về tỉ lệ thể tích, độ dày, thành phần vật chất cấu tạo chủ yếu, trạng thái.  - Nêu được sự khác nhau giữa các lớp cấu trúc của Trái Đất.  - Phân biệt được thạch quyển và vỏ Trái Đất.  **Vận dụng:**  - Vận dụng thuyết Kiến tạo mảng để giải thích sơ lược sự hình thành các vùng núi trẻ; các vành đai động đất, núi lửa.  **Nhận biết:**  - Nêu khái niệm khí quyển.  - Nêu khái niệm frông và các frông.  - Trình bày được sự hình thành và phân bố của các đới, các kiểu khí hậu chính trên Trái Đất.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được nguyên nhân hình thành một số loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất, gió mùa và một số loại gió địa phương.  - Hiểu được nguyên nhân hình thành và tính chất của các khối khí.  - Hiểu được sự di chuyển của các khối khí, frông.  - Trình bày được nguyên nhân hình thành nhiệt độ không khí và các nhân tố ảnh hưởng đến nhiệt độ không khí.  - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa và sự phân bố mưa trên thế giới.  **Vận dụng:**  - Trình bày được ảnh hưởng của các khối khí, frông đến thời tiết, khí hậu.  - Phân tích được mối quan hệ giữa khí áp và gió; nguyên nhân làm thay đổi khí áp.  **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm thuỷ quyển.  - Trình bày được đặc điểm và sự phân bố của một số sông lớn trên thế giới.  - Mô tả được hiện tượng sóng biển, thuỷ triều; phân bố và chuyển động của các dòng biển nóng và lạnh trong đại dương thế giới.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và trình bày được vòng tuần hoàn nước trên Trái Đất.  - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước của sông.  **Vận dụng:**  - Phân tích được vai trò của biển và đại dương trong đời sống.  **Vận dụng cao:**  - Giải thích được nguyên nhân sinh ra hiện tượng sóng biển, thuỷ triều; phân bố và chuyển động của các dòng biển nóng và lạnh trong đại dương thế giới.  **Nhận biết:**  - Biết khái niệm đất (thổ nhưỡng), sinh quyển.  Thông hiểu:  - Trình bày được vai trò của các nhân tố hình thành đất.  - Hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật.  - Trình bày được quy luật phân bố của một số loại đất và thảm thực vật chính trên Trái Đất.  **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm lớp vỏ địa lí.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và trình bày được một số biểu hiện của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh, quy luật địa đới và phi địa đới của lớp vỏ địa lí. | Trắc nghiệm  hoặc Tự luận |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 9 | **Nhận biết:**  - Trình bày được được vai trò và đặc điểm chung của sản xuất công nghiệp.  - Trình bày được vai trò một số ngành công nghiệp chủ yếu trên thế giới:  + Công nghiệp năng lượng.  + Công nghiệp cơ khí.  + Công nghiệp điện tử - tin học.  + Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.  + Công nghiệp thực phẩm.  - Trình bày được đặc điểm một số ngành công nghiệp chủ yếu trên thế giới:  + Công nghiệp năng lượng.  + Công nghiệp cơ khí.  + Công nghiệp điện tử - tin học.  + Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.  + Công nghiệp thực phẩm.  - Trình bày được sự phân bố một số ngành công nghiệp chủ yếu trên thế giới:  + Công nghiệp năng lượng.  + Công nghiệp cơ khí.  + Công nghiệp điện tử - tin học.  + Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.  + Công nghiệp thực phẩm.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp:  + Vị trí địa lí.  + Tự nhiên ( khoáng sản, khí hậu – nguồn nước, đất, rừng, biển).  + Kinh tế - xã hội ( dân cư – lao động, tiến bộ khoa học – kĩ thuật, thị trường, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất – kĩ thuật, đường lối chính sách).  - Phân biệt được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp:  + Điểm công nghiệp.  + Khu công nghiệp.  + Trung tâm công nghiệp.  + Vùng công nghiệp.  **Vận dụng:**  - Giải thích được sự phân bố một số ngành công nghiệp chủ yếu trên thế giới.  Vận dụng cao:  - Liên hệ với các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở Việt Nam.  - Sử dụng bản đồ để trình bày và giải thích được tình hình phát triển, phân bố một số ngành công nghiệp trên thế giới.  - Vẽ biểu đồ, nhận xét biểu đồ; phân tích số liệu thống kê về một số ngành công nghiệp trên thế giới. | Trắc nghiệm  hoặc Tự luận |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 15 | **Nhận biết:**  - Trình bày được được vai trò và đặc điểm chung của sản xuất công nghiệp.  - Trình bày được vai trò, đặc điểm và sự phân bố một số ngành công nghiệp chủ yếu trên thế giới :  + Công nghiệp năng lượng.  + Công nghiệp cơ khí.  + Công nghiệp điện tử - tin học.  + Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.  + Công nghiệp thực phẩm.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp:  + Vị trí địa lí.  + Tự nhiên ( khoáng sản, khí hậu – nguồn nước, đất, rừng, biển).  + Kinh tế - xã hội ( dân cư – lao động, tiến bộ khoa học – kĩ thuật, thị  - Phân biệt được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp:  + Điểm công nghiệp.  + Khu công nghiệp.  + Trung tâm công nghiệp.  + Vùng công nghiệp.  **Vận dụng:**  - Giải thích được sự phân bố một số ngành công nghiệp chủ yếu trên thế giới.  **Vận dụng cao:**  - Liên hệ với các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở Việt Nam.  **Nhận biết:**  - Trình bày được vai trò, cơ cấu các ngành dịch vụ.  - Trình bày được vai trò, đặc điểm của ngành giao thông vận tải.  - Trình bày được đặc điểm của ngành giao thông vận tải.  - Trình bày được vai trò, đặc điểm phân bố của địa lí các ngành giao thông vận tải cụ thể.  - Trình bày được vai trò của ngành thương mại.  - Trình bày được một số khái niệm (thị trường, cán cân xuất nhập khẩu).  **Thông hiểu:**  - Phân tích được ảnh hưởng của các nhân tố tới sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ.  - Phân tích các được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải:  + Điều kiện tự nhiên.  + Điều kiện kinh tế - xã hội.  - Trình bày được đặc điểm của thị trường thế giới.  **Nhận biết:**  - Trình bày được khái niệm về môi trường.  - Trình bày được khái niệm tài nguyên thiên nhiên.  - Trình bày được khái niệm phát triển bền vững.  - Trình bày được một số vấn đề về môi trường trên phạm vi toàn cầu :  + Thủng tầng ôdôn.  + Hiệu ứng nhà kính.  + Ô nhiễm không khí.  **Thông hiểu:**  - Tìm hiểu được một số vấn đề môi trường trên phạm vi toàn cầu :  - Sử dụng bản đồ để trình bày và giải thích tình hình phát triển, phân bố các ngành kinh tế  - Vẽ biểu đồ, nhận xét biểu đồ, phân tích số liệu thống kê về một số ngành kinh tế. | Trắc nghiệm  hoặc Tự luận |
| **KHỐI 11** | | | | |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | **Nhận biết:**  - Trình bày được đặc điểm về kinh tế - xã hội của nhóm nước phát triển.  - Trình bày được đặc điểm về kinh tế - xã hội của nhóm nước đang phát triển.  - Trình bày được đặc điểm nổi bật của cách mạng khoa học và công nghệ.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại tới sự phát triển kinh tế.  - Trình bày được sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước: phát triển, đang phát triển, nước công nghiệp mới (NIC).  **Nhận biết:**  - Trình bày được các biểu hiện của toàn cầu hoá.  - Trình bày được biểu hiện của khu vực hoá.  - Biết một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được các hệ quả của toàn cầu hoá.  - Biết lí do hình thành tổ chức liên kết kinh tế khu vực.  **Nhận biết:**  - Biết được đặc điểm dân số của nhóm nước phát triển.  - Biết được đặc điểm dân số của nhóm nước đang phát triển.  - Biết được biến đổi khí hậu toàn cầu và suy giảm tầng ôdôn  - Trình bày được một số biểu hiện của ô nhiễm môi trường.  **Thông hiểu:**  - Biết được hệ quả của vấn đề dân số của thế giới, của các nhóm nước.  - Hiểu được nguyên nhân của ô nhiễm môi trường.  **Vận dụng:**  - Giải thích được bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển  - Giải thích được già hoá dân số ở các nước phát triển.  - Giải thích được đặc điểm dân số của thế giới, của nhóm nước và hệ quả của nó.  **Vận dụng cao:**  - Phân tích được hậu quả của ô nhiễm môi trường.  - Viết báo cáo ngắn gọn về một số vấn đề mang tính toàn cầu.  - Nhận thức được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường.  - Hiểu được nguy cơ chiến tranh và sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.  **Nhận biết:**  - Biết được tiềm năng phát triển kinh tế của các nước ở châu Phi.  - Ghi nhớ một số địa danh của các nước ở châu Phi.  - Biết được tiềm năng phát triển kinh tế của các nước ở Mĩ La-tinh.  - Ghi nhớ một số địa danh của các nước ở Mĩ La-tinh.  - Biết được tiềm năng phát triển kinh tế và ghi nhớ một số địa danh của các nước ở khu vực Trung Á.  - Biết được tiềm năng phát triển kinh tế và ghi nhớ một số địa danh của các nước ở khu vực Tây Nam Á.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được một số vấn đề cần giải quyết để phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia ở châu Phi.  - Trình bày được một số vấn đề cần giải quyết để phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia ở Mĩ La-tinh.  - Trình bày được một số vấn đề cần giải quyết để phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia ở khu vực Trung Á.  - Trình bày được một số vấn đề cần giải quyết để phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia ở khu vực Tây Nam Á.  **Thông hiểu:**  - Nhận xét bảng số liệu.  - Nhận xét biểu đồ.  **Vận dụng:**  - Vẽ và phân tích biểu đồ; phân tích số liệu thống kê. | Trắc nghiệm |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 16 | **Nhận biết:**  - Trình bày được đặc điểm về kinh tế - xã hội của các nhóm nước.  - Trình bày được đặc điểm của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại tới sự phát triển kinh tế.  - Trình bày được sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước: phát triển, đang phát triển, nước công nghiệp mới (NIC).  **Nhận biết:**  - Trình bày được các biểu hiện của toàn cầu hoá.  - Trình bày được biểu hiện của khu vực hoá. Biết một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được các hệ quả của toàn cầu hoá.  - Nêu được lí do hình thành tổ chức liên kết kinh tế khu vực.  **Nhận biết:**  - Trình bày được một số biểu hiện của ô nhiễm môi trường.  - Biết được đặc điểm dân số của thế giới, của nhóm nước phát triển và nhóm nước đang phát triển.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được hệ quả của vấn đề dân số của thế giới, của các nhóm nước.  - Hiểu được nguyên nhân của ô nhiễm môi trường.  **Vận dụng:**  - Giải thích được sự bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển  - Giải thích được sự già hoá dân số ở các nước phát triển.  - Giải thích được đặc điểm dân số của thế giới, của nhóm nước và hệ quả của nó.  **Vận dụng cao:**  - Phân tích được hậu quả của ô nhiễm môi trường.  - Viết báo cáo ngắn gọn về một số vấn đề mang tính toàn cầu.  - Nhận thức được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường.  - Hiểu được nguy cơ chiến tranh và sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.  **Nhận biết:**  - Biết được tiềm năng phát triển kinh tế và ghi nhớ một số địa danh của các nước ở châu Phi và Mĩ La-tinh.  - Biết được tiềm năng phát triển kinh tế và ghi nhớ một số địa danh của các nước ở khu vực Trung Á và Tây Nam Á.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được một số vấn đề cần giải quyết để phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia ở châu Phi, Mĩ La-tinh, khu vực Trung Á và Tây Nam Á.  **Nhận biết:**  - Biết vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Hoa Kì.  - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên.  - Trình bày được các đặc điểm dân cư.  - Trình bày được đặc điểm kinh tế - xã hội của Hoa Kì.  - Ghi nhớ một số địa danh.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được thuận lợi của đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế. (HS tự học)  - Phân tích được khó khăn của đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế.  - Phân tích được các đặc điểm dân cư của Hoa Kì.  - Phân tích được ảnh hưởng của các đặc điểm dân cư Hoa Kì tới kinh tế.  **Vận dụng:**  - Phân tích được vai trò của một số ngành kinh tế chủ chốt, sự chuyển dịch cơ cấu ngành và sự phân hoá lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kì.  **Vận dụng cao:**  - Giải thích được đặc điểm kinh tế - xã hội của Hoa Kì.  **Nhận biết:**  - Trình bày được quy mô, vị trí của EU.  - Trình bày được mục tiêu, thể chế hoạt động của EU.  - Trình bày được biểu hiện của mối liên kết toàn diện giữa các nước trong EU.  - Ghi nhớ một số địa danh.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được lí do hình thành EU.  - Phân tích được vai trò của EU trong nền kinh tế thế giới.  **Thông hiểu:**  - Nhận xét bảng số liệu.  - Nhận xét biểu đồ.  **Vận dụng:**  - Vẽ và phân tích biểu đồ; phân tích số liệu thống kê. | Trắc nghiệm  hoặc Tự luận |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 9 | **Nhận biết:**  - Biết vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ LB Nga.  - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên.  - Trình bày được đặc điểm dân cư của LB Nga.  - Trình bày được đặc điểm xã hội của LB Nga.  - Trình bày được tình hình phát triển kinh tế của LB Nga.  - Trình bày được những khó khăn và những thành quả của sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường.  - Trình bày được một số ngành kinh tế chủ chốt.  - Trình bày được sự phân hoá lãnh thổ kinh tế LB Nga.  - Ghi nhớ một số địa danh.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được thuận lợi của tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế LB Nga..  - Phân tích được khó khăn của tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế LB Nga.  - Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế LB Nga..  - So sánh được đặc trưng của một số vùng kinh tế tập trung của LB Nga.  **Vận dụng:**  - Phân tích được quan hệ đa dạng giữa LB Nga và Việt Nam  **Vận dụng cao:**  - Giải thích được tình hình phát triển kinh tế của LB Nga.  **Nhận biết:**  - Biết vị trí địa lí Nhật Bản.  - Biết phạm vi lãnh thổ Nhật Bản.  - Trình bày đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên Nhật Bản.  - Ghi nhớ một số địa danh Nhật Bản.  - Trình bày được tình hình phát triển kinh tế của Nhật Bản.  - Trình bày được sự phát triển và phân bố của ngành công nghiệp Nhật Bản.  - Trình bày được sự phát triển và phân bố của ngành nông nghiệp Nhật Bản.  - Trình bày được sự phát triển và phân bố của ngành dịch vụ Nhật Bản.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được những thuận lợi của tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế Nhật Bản.  - Phân tích được những khó khăn của tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế.  - Phân tích được các đặc điểm dân cư của Nhật Bản.  - Phân tích được ảnh hưởng của các đặc điểm dân cư Nhật Bản tới kinh tế.  **Vận dụng cao:**  - Giải thích được sự phát triển và phân bố của những ngành kinh tế chủ chốt Nhật Bản.  **Thông hiểu:**  - Nhận xét bảng số liệu.  - Nhận xét biểu đồ.  **Vận dụng:**  - Vẽ và phân tích biểu đồ; phân tích số liệu thống kê. | Trắc nghiệm  hoặc Tự luận |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 15 | **Nhận biết:**  - Biết vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ LB Nga.  - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, dân cư của LB Nga.  - Trình bày được tình hình phát triển kinh tế của LB Nga.  - Ghi nhớ một số địa danh LB Nga.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được thuận lợi, khó khăn của tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế LB Nga..  - Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế LB Nga..  - So sánh được đặc trưng của một số vùng kinh tế tập trung của LB Nga.  **Vận dụng:**  - Phân tích được quan hệ đa dạng giữa LB Nga và Việt Nam.  **Vận dụng cao:**  - Giải thích được tình hình phát triển kinh tế của LB Nga.  **Nhận biết:**  - Biết vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Nhật Bản. Ghi nhớ một số địa danh.  - Trình bày đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên Nhật Bản.  - Trình bày được sự phát triển và phân bố của những ngành kinh tế chủ chốt của Nhật Bản.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế Nhật Bản.  - Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế Nhật Bản.  **Vận dụng cao:**  - Giải thích được sự phát triển và phân bố của những ngành kinh tế chủ chốt của Nhật Bản.  **Nhận biết:**  - Biết được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Trung Quốc.  - Trình bày đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên.  - Trình bày được đặc điểm dân cư Trung Quốc.  - Trình bày được đặc điểm xã hội Trung Quốc.  - Ghi nhớ một số địa danh.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được những thuận lợi, khó khăn của đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế Trung Quốc.  - Phân tích được đặc điểm phát triển kinh tế, một số ngành kinh tế chủ chốt và vị thế của nền kinh tế Trung Quốc trên thế giới.  - Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế Trung Quốc.  **Vận dụng:**  - Phân tích được quan hệ đa dạng giữa Trung Quốc và Việt Nam.  - Giải thích được sự phân bố của kinh tế Trung Quốc; sự tập trung các đặc khu kinh tế tại vùng duyên hải.  **Vận dụng cao:**  - Phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế.  **Nhận biết:**  - Biết được vị trí địa lí khu vực Đông Nam Á.  - Biết được phạm vi lãnh thổ khu vực Đông Nam Á.  - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên.  - Trình bày được đặc điểm dân cư và xã hội.  - Trình bày được một số đặc điểm kinh tế.  - Ghi nhớ một số địa danh  **Thông hiểu:**  - Phân tích được những thuận lợi, khó khăn của đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế Đông Nam Á.  - Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế Đông Nam Á.  - Hiểu được mục tiêu của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN); cơ chế hoạt động, một số hợp tác cụ thể trong kinh tế, văn hoá; thách thức của các nước thành viên.  **Vận dụng:**  - Phân tích được sự hợp tác đa dạng của Việt Nam với các nước trong Hiệp hội.  **Vận dụng cao:**  - Giải thích được một số đặc điểm kinh tế Đông Nam Á.  **Thông hiểu:**  - Nhận xét bảng số liệu.  - Nhận xét biểu đồ.  **Vận dụng:**  - Vẽ và phân tích biểu đồ; phân tích số liệu thống kê. | Trắc nghiệm  hoặc Tự luận |
| **KHÔI 12** | | | | |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
| Giữa Học kỳ 1 | 50 phút | Tuần 9 | **Nhận biết:**  - Trình bày được vị trí địa lí nước ta.  - Nêu được giới hạn phạm vi lãnh thổ Việt Nam.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với tự nhiên, kinh tế – xã hội và quốc phòng.  **Nhận biết:**  - Trình bày được các đặc điểm chung của địa hình nước ta.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình.  **Nhận biết:**  - Nêu được các đặc điểm chung của biển Đông.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được ảnh hưởng của biển Đông đến thiên nhiên nước ta.  **Vận dụng:**  - Phân tích được ảnh hưởng của các thiên tai vùng biển đối với sự phát triển kinh tế xã hội.  **Nhận biết:**  - Nêu được các biểu hiện của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được vì sao thiên nhiên nước ta mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa.  **Vận dụng:**  - Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa đến hoạt động đời sống và sản xuất  **Vận dụng cao:**  - Giải thích được vì sao hoạt động của gió mùa dẫn đến sự phân chia mùa khí hậu của nước ta.  **Nhận biết:**  - Đọc được các bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam với nội dung: địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất đai, thực động vật.  **Thông hiểu:**  - So sánh, nhận xét bảng số liệu, biểu đồ, các đối tượng địa lí trên bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam.  **Vận dụng:**  - Phân tích và giải thích được số liệu về tự nhiên Việt Nam. | Trắc nghiệm |
| Cuối Học kỳ 1 | 50 phút | Tuần 16 | **Nhận biết:**  - Trình bày được vị trí địa lí nước ta.  - Nêu được giới hạn phạm vi lãnh thổ Việt Nam.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với tự nhiên, kinh tế – xã hội và quốc phòng.  **Nhận biết:**  - Trình bày được các đặc điểm chung của địa hình nước ta.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình.  **Nhận biết:**  - Nêu được các đặc điểm chung của biển Đông.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được ảnh hưởng của biển Đông đến thiên nhiên nước ta.  **Vận dụng:**  - Phân tích được ảnh hưởng của các thiên tai vùng biển đến phát triển kinh tế - xã hội.  **Nhận biết:**  - Nêu được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được vì sao thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.  **Vận dụng:**  - Phân tích được ảnh hưởng của các thành phần tự nhiên đến các hoạt động đời sống và sản xuất  **Vận dụng cao:**  - Giải thích được vì sao hoạt động của gió mùa dẫn đến sự phân chia mùa của khí hậu nước ta.  **Nhận biết:**  - Trình bày được biểu hiện sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên Việt Nam.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được nguyên nhân sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên Việt Nam.  **Vận dụng:**  - Phân tích được đặc điểm của cảnh quan ba miền tự nhiên ở nước ta.  Vận dụng cao:  - Giải thích được đặc điểm cảnh quan ba miền tự nhiên ở nước ta.  **Nhận biết:**  - Trình bày được sự suy thoái tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, đất.  **Thông hiểu:**  - Phân tích nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm, cạn kiệt tài nguyên.  **Nhận biết:**  - Trình bày được chiến lược, chính sách về tài nguyên, môi trường.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được các nguyên nhân gây thiên tai và ô nhiễm môi trường ở nước ta.  - Trình bày được một số tác động tiêu cực do thiên nhiên gây ra đã phá hoại sản xuất, gây thiệt hại về người và của.  **Nhận biết:**  - Đọc được các bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam với nội dung: địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất đai, thực động vật.  **Thông hiểu:**  - So sánh được các đối tượng địa lí trên bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam: quy mô, cơ cấu, đặc điểm. Đọc biểu đồ, xử lí, phân tích số liệu thống kê.  **Vận dụng:**  - Đọc biểu đồ, xử lí, phân tích và giải thích được số liệu về tự nhiên Việt Nam. | Trắc nghiệm |
| Giữa Học kỳ 2 | 50 phút | Tuần 9 | **Nhận biết:**  - Trình bày được một số đặc điểm dân số và phân bố dân cư Việt Nam  - Biết được một số chính sách dân số ở nước ta.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được nguyên nhân của dân số đông, gia tăng dân số nhanh và sự phân bố dân cư chưa hợp lí.  **Vận dụng:**  - Phân tích được hậu quả của dân đông, gia tăng nhanh, sự phân bố dân cư chưa hợp lí.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được một số đặc điểm của nguồn lao động và việc sử dụng lao động ở nước ta.  - Phân tích được vì sao việc làm đang là vấn đề gay gắt của nước ta và hướng giải quyết.  **Nhận biết:**  - Trình bày được sự phân bố mạng lưới đô thị ở nước ta  **Thông hiểu:**  - Trình bày được một số đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam. Nguyên nhân và hậu quả.  **Vận dụng cao:**  - Liên hệ được việc gia tăng dân số nhanh với đặc điểm đô thị hóa của nước ta  **Nhận biết:**  - Biết công cuộc Đổi mới ở nước ta là một cuộc cải cách toàn diện về kinh tế – xã hội ; bối cảnh và công cuộc hội nhập của nước ta.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được ý nghĩa của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đối với sự phát triển kinh tế nước ta.  Vận dụng :  - Phân tích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta.  **Nhận biết:**  - Trình bày được sự phân bố một số cây trồng, vật nuôi chính của nước ta.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được cơ cấu của ngành nông nghiệp, tình hình phát triển một số cây trồng, vật nuôi chính của nước ta và nguyên nhân.  - Phân tích được điều kiện, tình hình phát triển, phân bố ngành thuỷ sản và một số phương hướng phát triển ngành thuỷ sản của nước ta.  - Phân tích được vai trò, tình hình phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp, một số vấn đề lớn trong phát triển lâm nghiệp.  **Vận dụng:**  - Chứng minh được xu hướng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.  **Nhận biết:**  - Trình bày được cơ cấu công nghiệp theo ngành, thành phần kinh tế và theo lãnh thổ.  - Biết được sự phân bố của một số ngành công nghiệp trọng điểm.  **Thông hiểu:**  - Nhận xét được cơ cấu công nghiệp theo ngành, thành phần kinh tế và theo lãnh thổ.  - Nêu được một số nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi cơ cấu ngành công nghiệp.  - Phân tích được tình hình phát triển của một số ngành công nghiệp trọng điểm.  - Trình bày được khái niệm tổ chức lãnh thổ công nghiệp.  **Vận dụng:**  - Phân biệt được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp.  **Vận dụng cao:**  - Liên hệ để giải thích được tình hình phát triển, phân bố một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở nước ta hiện nay.  **Nhận biết:**  - Đọc được các bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam với nội dung về các đối tượng địa lí kinh tế - xã hội.  **Thông hiểu:**  - Nhận xét được bảng số liệu, biểu đồ, các đối tượng địa lí kinh tế - xã hội trên bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam.  **Vận dụng:**  - Vẽ biểu đồ, nhận xét, so sánh và giải thích được số liệu liên quan đến kinh tế xã hội Việt Nam. | Trắc nghiệm |
| Cuối Học kỳ 2 | 50 phút | Tuần 15 | **Nhận biết:**  - Trình bày được một số đặc điểm dân số và phân bố dân cư nước ta.  - Trình bày được một số chính sách dân số ở nước ta  **Thông hiểu:**  - Phân tích được nguyên nhân của dân đông, gia tăng nhanh và phân bố chưa hợp lí.  **Vận dụng:**  - Phân tích được hậu quả của dân đông, gia tăng nhanh, sự phân bố dân cư chưa hợp lí.  **Nhận biết:**  - Trình bày được sự phân bố mạng lưới đô thị ở nước ta.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được một số đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam; nguyên nhân và hậu quả.  **Vận dụng cao:**  - Liên hệ được gia tăng dân số nhanh với đặc điểm đô thị hóa ở nước ta.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được một số đặc điểm của nguồn lao động và việc sử dụng lao động ở nước ta.  - Phân tích được vì sao vấn đề việc làm là vấn đề gay gắt của nước ta và hướng giải quyết.  **Nhận biết:**  - Biết công cuộc Đổi mới ở nước ta là một cuộc cải cách toàn diện về kinh tế – xã hội; bối cảnh và công cuộc hội nhập của nước ta; chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được hiện trạng, ý nghĩa của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đối với sự phát triển kinh tế nước ta.  **Vận dụng:**  - Phân tích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta.  **Nhận biết:**  - Trình bày được sự phân bố một số cây trồng, vật nuôi chính của nước ta.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được cơ cấu của ngành nông nghiệp, tình hình phát triển một số cây trồng, vật nuôi chính của nước ta và nguyên nhân.  - Phân tích được được điều kiện, tình hình phát triển, phân bố ngành thuỷ sản và một số phương hướng phát triển ngành thuỷ sản của nước ta.  - Phân tích được vai trò, tình hình phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp, một số vấn đề lớn trong phát triển lâm nghiệp.  **Vận dụng:**  - Chứng minh được xu hướng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.  **Nhận biết:**  - Trình bày được sự phân bố của một số ngành công nghiệp trọng điểm; cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần và lãnh thổ.  **Thông hiểu:**  - Nhận xét được cơ cấu công nghiệp theo ngành, thành phần kinh tế và theo lãnh thổ.  - Nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi cơ cấu ngành công nghiệp.  - Phân tích được tình hình phát triển của một số ngành công nghiệp trọng điểm.  - Trình bày được khái niệm tổ chức lãnh thổ công nghiệp.  **Vận dụng:**  - Phân biệt được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp.  **Vận dụng cao:**  - Liên hệ để giải thích được tình hình phát triển, phân bố một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở nước ta hiện nay.  **Nhận biết:**  - Trình bày được đặc điểm giao thông vận tải, thông tin liên lạc của nước ta.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được các tài nguyên du lịch ở nước ta : tài nguyên tự nhiên, tài nguyên nhân văn.  - Phân tích được tình hình phát triển ngành du lịch. Một số trung tâm du lịch chính.  **Vận dụng:**  - Phân tích được vai trò, tình hình phát triển và sự thay đổi trong cơ cấu của nội thương, ngoại thương.  **Vận dụng cao:**  - Mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường.  **Nhận biết:**  - Trình bày được vị trí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, các tỉnh trong vùng và một số thế mạnh kinh tế.  **Thông hiểu:**  - Biết được sự phát triển kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế.  - Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  **Vận dụng:**  - Phân tích việc sử dụng các thế mạnh để phát triển các ngành kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; một số vấn đề đặt ra và biện pháp khắc phục.  **Nhận biết:**  - Trình bày được vị trí của vùng, các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương của vùng Đồng bằng sông Hồng, nêu được các thế mạnh chủ yếu và các hạn chế của vùng.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được tình hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và các định hướng chính; nguyên nhân của sự chuyển dịch của Đồng bằng sông Hồng.  **Vận dụng:**  - Phân tích được tác động của các thế mạnh và hạn chế của vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, cơ sở vật chất - kĩ thuật tới sự phát triển kinh tế của Đồng bằng sông Hồng.  **Vận dụng cao:**  - Những vấn đề cần giải quyết trong phát triển kinh tế - xã hội.  **Nhận biết:**  - Trình bày được vị trí của vùng Bắc Trung Bộ, các tỉnh trong vùng và việc hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư; hình thành cơ cấu công nghiệp, hạ tầng giao thông vận tải.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được sự hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp; cơ cấu công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng của vùng Bắc Trung Bộ.  **Nhận biết:**  - Trình bày được vị trí của vùng, các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.  - Trình bày được vấn đề phát triển tổng hợp kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được tầm quan trọng của vấn đề phát triển công nghiệp, cơ sở hạ tầng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.  **Nhận biết:**  - Trình bày được vị trí của vùng, các tỉnh trong vùng Tây Nguyên và một số điều kiện thuận lợi trong việc khai thác các thế mạnh kinh tế của vùng.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được thực trạng phát triển cây công nghiệp; khai thác và chế biến lâm sản, bảo vệ rừng; phát triển thuỷ điện, thuỷ lợi và những vấn đề của vùng, biện pháp giải quyết những vấn đề đó.  **Vận dụng:**  - Biện pháp nhằm giải quyết những vấn đề về khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên.  - Y nghĩa của việc phát triển kinh tế ở Tây Nguyên.  Vận dụng cao  - So sánh được sự khác nhau về trồng cây công nghiệp lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn giữa Trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên.  **Nhận biết:**  - Trình bày được vị trí của vùng, các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương của vùng Đông Nam Bộ, vai trò của vùng so với cả nước dựa trên các chỉ số kinh tế…  **Thông hiểu:**  - Chứng minh được sự phát triển theo chiều sâu trong công nghiệp, nông nghiệp của Đông Nam Bộ.  **Vận dụng:**  - Giải thích được sự cần thiết phải khai thác tổng hợp kinh tế biển và bảo vệ môi trường.  **Vận dụng cao:**  - Liên hệ được ý nghĩa của khai thác tổng hợp kinh tế biển đối với phát triển kinh tế.  **Nhận biết:**  - Trình bày được vị trí của vùng, các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long.  - Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về tự nhiên của vùng Đb sông Cửu Long.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được một số biện pháp cải tạo, sử dụng tự nhiên.  **Nhận biết:**  - Trình bày được tình hình phát triển kinh tế vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo.  **Thông hiểu:**  - Hiểu vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo là một bộ phận quan trọng ở nước ta. Đây là nơi có nhiều tài nguyên, có vị trí quan trọng trong an ninh quốc phòng, cần phải bảo vệ.  - Biện pháp phát triển kinh tế của vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo.  Nhận biết:  - Đọc được các bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam với nội dung về các đối tượng địa lí kinh tế - xã hội.  **Thông hiểu:**  - So sánh được các đối tượng địa lí kinh tế - xã hội trên bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam.  **Vận dụng:**  - Vẽ biểu đồ, phân tích, giải thích số liệu thống kê. | Trắc nghiệm |

***4. Tổ chức dạy học qua internet:*** *Không.*

**III. Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn**: *Không.*

**IV. Sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Phân công thực hiện** | **Thời điểm**  **thực hiện** | **Ghi chú** |
| Sinh hoạt tổ chuyên môn | Tất cả các thành viên tham gia | - 4 lần/tháng đối với thời gian học trực tuyến.  -2 lần/tháng khi học tại trường. | - Thứ 3 hằng tuần.  - Vào ngày chuyên môn tuần đầu và cuối tháng. |
| Sinh hoạt chuyên môn theo NCBH | Hoàng Thị Hảo | HKII |  |
| Tiết tốt | Tất cả thành viên | HKI hoặc HKII | Mỗi giáo viên thực hiện ít nhất 1 tiết/năm; nhóm trưởng, TTCM khuyến khích thực hiện. |
| Dự giờ | Tất cả thành viên | HKI hoặc HKII | Mỗi giáo viên ít nhất dự 2 tiết/HK. |
| Thanh tra nội bộ | Hoàng Thị Hảo | HKII |  |

**V. Các nội dung khác**

***1. Triển khai văn bản 4363/GDĐT-GDTrH về xây dựng, sử dụng kho học liệu số***

Giáo viên trong tổ tăng cường xây dựng và sử dụng kho học liệu số toàn ngành, ngân hàng câu hỏi trực tuyến dùng chung và đóng góp vào hệ tri thức Việt số hoá quốc gia tại địa chỉ <http://tracnghiem.itrithuc.vn/>

- Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, tổ chức bồi dưỡng giáo viên nhằm nâng cao năng lực cho giáo viên về việc biên soạn và xây dụng ngân hàng câu hỏi trực tuyến; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triên năng lục học sinh.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn để cụ thể hoá tiêu chí 4 mức độ (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao) của câu hỏi kiểm tra, đánh giá; hướng dẫn giáo viên sử dụng công cụ biên soạn câu hỏi trên mạng để xây dựng và sử dụng có hiẹu quả ngân hàng câu hỏi trực tuyến trong quá trình dạy học.

***2. Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu***

a) Bồi dưỡng học sinh giỏi:

- Phân công:

+ Olympic 10: Cô Vũ Thị Thu Hăng

+ Olympic 11: Cô Vũ Thị Khuyên

+ Học sinh giỏi 12: Dương Thị Ngọc Sương

- Chỉ tiêu: Số học sinh giỏi, Olympic cấp thành phố: 70%/tổng số học sinh dự thi

- Biện pháp:

+ Lựa chọn đội tuyển ngày từ đầu năm học dựa vào các nguồn của năm học trước; do giáo viên bộ môn trong tổ giới thiệu; qua các bài thi tuyển;

+ Xây dựng nội dung bồi dưỡng bám sát nội dung thi của Sở Giáo dục và Đào tạo;

+ Có Kế hoạch dạy tăng cường vào giai đoạn gần tổ chức kỳ thi

b) Phụ đạo học sinh yếu: Mỗi giáo viên chủ động sàng lọc, phân loại học sinh, lập danh sách học sinh yếu kém và xây dựng kế hoạch phụ đạo.

***3. Tham gia cuộc thi, hội thi:*** Tham gia đầy đủ, nghiêm túc, có chất lượng các hội thi, cuộc thi do trường, Ngành tổ chức.

***4. Hướng dẫn nghiên cứu khoa học***

- Người thực hiện: cô Trương Thị Nụ.

- Yêu cầu đạt được:

+ Hướng dẫn học sinh chọn đề tài phù hợp với trình độ khối lớp.

+ Đề tài có tính khả thi.

+ Học sinh thể hiện được khả năng tự nghiên cứu, đưa ra được các giải pháp phù hợp.

***5. Nội dung khác***

- Việc thực hiện các nội dung giáo dục địa phương:

+ Hướng dẫn cho học sinh khối 12 tự tìm hiểu và cập nhật về địa lý địa phương, các tài nguyên du lịch của địa phương;

+ Liên hệ một số vấn đề về kinh tế - xã hội của địa phương vào trong các bài giảng có liên quan ở khối 10,12.

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  **Dương Thị Ngọc Sương** | *TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2021*  **HIỆU TRƯỞNG**  **Hàn Thanh Tùng** |